**Tiết PPCT: 05**

**Ngày soạn: 20/9/2020**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 11A4 | 11C5 | 11C6 |
| Ngày dạy |  |  |  |

**Bài 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ MANG TÍNH TOÀN CẦU**

**I. MỤC TIÊU**

## 1. Kiến thức

- Phân tích, đánh giá được các nguyên nhân, biểu hiện và hậu quả của các vấn đề toàn cầu.

- Đề xuất các giải pháp nhằm hướng đến phát triển bền vững

- Thiết kế 1 khẩu hiệu tuyên truyền choo một trong các vấn đề toàn cầu

## 2. Kĩ năng

- Phân tích được sơ đồ, bảng số liệu, hình ảnh... về dân số, môi trường.

## 3. Thái độ

- Nhận thức sự cần thiết phải bảo vệ môi trường.

- Quan tâm, ủng hộ các chính sách, kêu gọi bảo vệ môi trường và các chính sách phát triển dân số quốc gia.

## 4. Năng lực hình thành

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực chuyên biệt:**

+ Năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ.

+ Năng lực sử dụng bản đồ

+ Năng lực sử dụng số liệu thống kê

+ Năng lực sử dụng tranh ảnh địa lý, video clip, bảng số liệu.

- Biết và giải thích được tình trạng bùng nổ dân số ở các nước đang phát triển và

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Đối với giáo viên:**

- Một số hình ảnh về ô nhiễm môi trường

- Một số tin, ảnh về chiến tranh khu vực và nạn khủng bố trên thế giới

- phiếu học tập

**2. Đối với học sinh**:

- Thực hiện các công việc đã được giao

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**1. Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

Trình bày các biểu hiện chủ yếu của toàn cầu hóa kinh tế. Xu hướng toàn cầu hóa kinh tế dẫn đến những hệ quả gì?

**3. Các hoạt động học tập:**

**A. Đặt vấn đề/ Khởi động**

*Bước 1: Giao nhiệm vụ*

GV đưa các từ hoặc cụm từ (hoặc trình chiếu một số hình ảnh), yêu cầu học sinh quan sát, sắp xếp theo ba chủ đề: bùng nổ dân số/ ô nhiễm nguồn nước biển, đại dương/ khủng bố quốc tế. Trình bày suy nghĩ của bản thân về các vấn đề trên.

*Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ và ghi ra giấy nháp để chuẩn bị báo cáo*

*Bước 3: HS báo cáo kết quả*

*Bước 4: Đánh giá*

GV nhận xét và đánh giá phần trả lời của HS GV dẫn dắt vào vấn đề

**B. Hình thành kiến thức/ kĩ năng mới**

* **Hoạt động 1. Tìm hiểu các vấn đề về dân số**

**1. Mục tiêu:**

Biết và giải thích được tình trạng bùng nổ dân số ở các nước đang phát triển và già hóa dân số ở các nước phát triển

**2. Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

Thảo luận nhóm

**3. Phương tiện:**

- Bảng 3.1. tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên trung bình năm

- Bảng 3.2 cơ cấu dân số theo nhóm tuổi, giai đoạn 2000- 2005.

**4. Tiến trình hoạt động:**

*Bước 1: Giao nhiệm vụ*

GV chia HS thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho từng nhóm

- Nhóm 1 và 3: Đọc thông tin ở mục I.1. phân tích bảng 3.1 để trả lời các câu hỏi sau:

+ So sánh tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của các nhóm nước với thế giới

+ Hậu quả của việc gia tăng dân số: về kinh tế, xã hội, tài nguyên, môi trường

- Nhóm 2 và 4: Đọc thông tin ở mục II.2. phân tích bảng 3.2, trả lười các câu hỏi sau:

+ So sánh cơ cấu dân số của hai nhóm nước: phát triển và đang phát triển.

+ Hậu quả của vấn đề già hóa dân số

*Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ*

HS trong nhóm thảo luận để thống nhất ý kiến.

*Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả*

Đại diện các nhóm trình bày, HS các nhóm khác bổ sung ý kiến

*Bước 4: Đánh giá:* GV nhận xét ý kiến của HS và chốt lại kiến thức. Kiên hệ với việc gia tăng dân số ở VN và biện giáp giải quyết

**Nội dung chính**

**I. Dân số  
1. Bùng nổ dân số**  
- Dân số thế giới tăng nhanh, nhất là nửa sau thế kỷ XX. Năm 2005 dân số thế giới là 6477 triệu người; năm 2019, số dân thế giới đạt 7,7 tỉ người  
- Dân số bùng nổ hiện nay chủ yếu ở các nước đang phát triển: (chiếm 80% dân số và 95% số dân gia tăng hàng năm của thế giới).  
- Hậu quả: Dân số tăng nhanh gây sức ép nặng nề đối với tài nguyên môi trường, phát triển kinh tế chất lượng cuộc sống.

**2. Già hóa dân số**  
- Dân số thế giới có xu hướng già đi:  
     + Tỉ lệ người < 15 tuổi giảm.  
     + Tỉ lệ > 65 tuổi tăng.  
- Hậu qủa của cơ cấu dân số già:

Hậu quả của già hóa dân số: dẫn đến thiếu lao động dự trữ tương lai, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, Chi phí phúc lợi cho người già tăng.

* **Hoạt động 2. Tìm hiểu các vấn đề về môi trường**

**1. Mục tiêu:**

Trình bày được một số biểu hiện, nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm môi trường; nhận thức được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường

**2. Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Thảo luận nhóm

- Cá nhân

**3. Phương tiện:**

- Phiếu học tập

- Một số hình ảnh về vấn đề môi trường

**4. Tiến trình hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên và học sinh | Nội dung chính |
| Bước 1: GV yêu cầu HS ghi ra giấy các loại ô nhiễm môi trường mà em biết.  Một HS trả lời, các HS khác bổ sung  Bước 2: GV chia HS thành 5 nhóm hoàn thành phiếu học tập (phụ lục). Liên hệ VN  Bước 3: HS các nhóm trao đổi để ghi nhận xét vào phiếu học tập. Đại diện các nhóm trình bày , HS các nhóm khác bổ sung  Bước 4: GV nhận xét phần trả lời của HS và chốt kiến thức | **Phụ lục** |

* **Hoạt động 3. Tìm hiểu một số vấn đề khác**

**1. Mục tiêu:**

Hiểu được sự cần thiết phải bảo vệ hòa bình và chống nguy cơ chiến tranh

**2. Phương thức:**

- Hoạt động cá nhân

- Phương tiện: Một số hình ảnh, video liên quan

**3. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên và học sinh | Nội dung chính |
| GV cho HS xem một số hình ảnh/ video về vấn đề chiến tranh, xung đột đang diễn ra trên thế giới.  HS nêu phát biểu cảm nghĩ của bản thân khi xem những hình ảnh/ video trên.  GV đặt câu hỏi: Theo em, biện pháp để giải quyết chiến tranh, bảo vệ hòa bình là gì?  - Liên hệ những hành động chống phá hòa bình ở VN và nêu trách nhiệm của bản thân | **III. Một số vẫn đề khác**  - Xung đột tôn giáo, sắc tộc  - Xuất hiện nạn khủng bố, bạo lực, chiến tranh biên giới  - Hoạt động kinh tế ngầm đe dọa nghiêm trọng đến hòa bình thế giới. |

**C. Luyện tập/ Củng cố**

1. Mục tiêu: Hình thành cho HS năng lực thuyết trình trước đám đông

2. Phương thức: Nhóm/ cá nhân

3. Tổ chức hoạt động:

*Bước 1: Giao nhiệm vụ*

Sau khi học xong các nội dung cơ bản của bài học. Các em hãy chọn ra một nội dung khiến em thấy ấn tượng, quan tâm nhất. Sau đó viết một bài thuyết trình về vấn đề đó.

*Bước 2:* Học sinh thực hiện nhiệm vụ và thuyết trình trước lớp

*Bước 3:* GV nhận xét và đánh giá điểm để khích lệ.

**D. Vận dụng/ Bài tập về nhà**

*1. Mục tiêu:* Giúp học sinh vận dụng kiến thức lí thuyết để vận dụng tìm hiểu vấn đề ô nhiễm tại địa phương

*2. Nội dung:* Tìm hiểu vấn đề ô nhiễm môi trường/ dân số của địa phương trong những năm vừa qua. Yêu cầu có số liệu

*3. Đánh giá:* …

Giáo viên khuyến khích, động viên các học sinh làm bài và nhận xét sản phẩm của học sinh

**Phụ lục**

**Một số vấn đề môi trường toàn cầu**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vấn đề môi trường** | **Hiện trạng** | **Nguyên nhân** | **Hậu quả** | **Giải pháp** |
| Biến đổi khí hậu |  |  |  |  |
| Suy giám tầng ôzôn |  |  |  |  |
| Ô nhiểm nguồn nước ngọt, biển và đại dương |  |  |  |  |
| Suy giảm đa dạng sinh học |  |  |  |  |

**Một số vấn đề môi trường toàn cầu**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vấn đề môi trường** | **Hiện trạng** | **Nguyên nhân** | **Hậu quả** | **Giải pháp** |
| **1. Biến đổi khí hậu toàn cầu** | - Trái Đất nóng lên.  - Mưa axit. | Lượng CO2 và các khí thải khác trong khí quyển tăng (Sản xuất CN, GTVT, sinh hoạt) | - Băng tan🡪 Mực nước biển dâng gây ngập lụt nhiều nơi.  - Thời tiết, khí hậu thất thường, thiên tai thường xuyên. | - Giảm lượng CO2 trong sản xuất và sinh hoạt.  - Trồng và bảo vệ rừng. |
| **2. Suy giảm tầng ôzôn** | Tầng ôzôn bị mỏng dần và lỗ thủng ngày càng lớn. | Các chất khí CFCs trong sản xuất công nghiệp. | Ảnh hưởng đến sức khoẻ, mùa màng,sinh vật. | - Cắt giảm lượng CFCS trong sản xuất và sinh hoạt.  - Trồng nhiều cây xanh. |
| **3. Ô nhiễm nguồn nước ngọt, biển và đại dương** | Nguồn nước ngọt, nước biển đang bị ô nhiễm nghiêm trọng. | - Chất thải từ sản xuất, sinh hoạt chưa qua xử lí.  - Tràn dầu, rửa tàu, đắm tàu trên biển. | - Thiếu nguồn nước ngọt, nước sạch.  - Ảnh hưởng đến sức khỏe con người. | - Xử lí chất thải trước khi thải ra.  - Đảm bảo an toàn khai thác dầu và hàng hải. |
| **4. Suy giảm đa dạng sinh học** | Nhiều loài sinh vật bị diệt chủng hoặc đứng trước nguy cơ diệt chủng. | Khai thác thiên nhiên quá mức. | - Mất đi nhiều loài sinh vật, nguồn gen quý, nguồn thuốc chữa bệnh, nguồn nguyên liệu…  - Mất cân bằng sinh thái. | - Xây dựng các khu bảo vệ thiên nhiên.  - Triển khai luật bảo vệ rừng. |

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Tiết PPCT: 06**

**Ngày soạn: 20/9/2020**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 11A4 | 11C5 | 11C6 |
| Ngày dạy |  |  |  |

**Tự chọn 3: KỸ NĂNG XỬ LÍ SỐ LIỆU VÀ CÔNG THỨC TÍNH**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

Sau bài học, HS cần:

**1. Kiến thức:**

- Nắm được kĩ năng xử lí số liệu.

- Xác định được mục đích của các công thức tính, xử lí số liệu.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn luyện kĩ năng xử lí số liệu thống kê.

- Rèn luyện sử các công thức áp dụng trong xử lí số liệu.

**3. Thái độ:**

- Học tập nghiêm túc

**4. Định hướng các năng lực được hình thành:**

- Năng lực giải quyết vấn đề; năng lực hợp tác; năng lực ứng dụng CNTT.

- Năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng các số liệu thống kê.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC**

- GV đưa một số bài tập liên quan đến xử lí số liệu đã chuẩn bị sẵn.

- Vở thực hành địa lí lớp 11.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

***1. Ổn định lớp:***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

***3. Vào bài mới:***

* **Hoạt động 1: Tìm hiểu các bước để xử lí bảng số liệu**
* Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình
* Thời gian: 10 phút.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| **Bước 1:**  **\* Gv:** Dựa vào kiến thức đã học cho biết Xử lí bảng số liệu gồm bao nhiêu bước? Cụ thể?  **Bước 2:**  HS: Đại diện HS trả lời, HS khác bổ sung.  **Bước 3**: GV chuẩn lại kiến thức. | 1. **Các bước xử lí số liệu**   **Gồm 3 bước:**  - Lập công thức  - Tính toán  - Lập bảng số liệu mới ( tên, đơn vị mới) |

* **Hoạt động 2: Tìm hiểu các công thức tính toán trước khi vẽ biểu đồ**
* Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình
* Hình thức: cá nhân
* Thời gian: 30 phút.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| **Bước 1:**  **\* Gv:** Dựa vào hiểu biết của bản thân và các kiến thức đã học, trả lời các câu hỏi sau:  - Có bao nhiêu công thức xử lí bảng số liệu? Đó là những công thức nào?  - Trong chương trình địa lí đã học, em đã gặp những công thức tính toán nào?  - Nêu cách tính bán kính đường tròn?  **Bước 2:**  HS: Đại diện HS trả lời, HS khác bổ sung.  **Bước 3**: GV chuẩn lại kiến thức.  ***Hướng dẫn cách làm tròn số thập phân.*** | 1. **Các công thức trong xử lí bảng số liệu**   Có 2 công thức tính toán  **\* Tính cơ cấu**  - Tỉ trọng = thành phần / tổng thể \* 100 (%)  - Tỉ lệ = thành phần / thành phần (%)  **\* Tính Tốc độ tăng trưởng**  - lấy năm đầu 100%  - % năm sau = \* 100%  ***\* Một số công thức tính thường gặp***  - MDDS = DS/S (người/km2)  - GDP/ng = GDP/số dân (USD/ng)  - BQLT = SLLT/dân số TB (kg/ng)  - SL = NS x S (tạ, tấn)  - NX = SL/S (tạ/ha; tấn/ha)  - Độ che phủ rừng = S rừng/ S vùng x 100 % (%)  \* Tính Năm sau hơn năm trước: ***dùng phép trừ***  Tính năm sau gấp năm trước bao nhiêu: ***phép chia***  **\* Tính bán kính**  - Gọi bán kính năm đầu R1= 1 cm  - Bán kính năm sau là  S1  R2 = R1 (cm)  S2 |

**IV. TỔNG KẾT**

**1. Củng cố**

**Câu 1.** Dân số của nước ta qua các năm (nghìn người)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số dân** | **Dân số thành thị** |
| 2000 | 77 635 | 18 772 |
| 2005 | 82 392 | 22 332 |
| 2010 | 86 947 | 26 515 |
| 2015 | 91 713 | 31 131 |

**1.** Dân số nông thôn bằng

**A.**Tồng dân số x dân số thành thị **B.** Tồng dân số - dân số thành thị. **C.** Tồng dân số / dân số thành thị. **D.** Tồng dân số + dân số thành thị.

**2.** Tỉ lệ dân thành thị bằng

**A.** (Dân thành thị / Tồng dân số) \* 100

**B.** Dân thành thị / Tồng dân số.

**C.** (Dân thành thị / dân nông thôn) \* 100

**D.** (Dân nông thôn / dân thành thị)\*100

**3**. Dân số nông thôn năm 2000 đạt (nghìn người)

**A.** 58863. **B.** 56883. **C.** 56783. **D.** 57894.

**4**. Tỉ trọng dân số nông thôn năm 2000 đạt

**A.** 75 %. **B.** 75,8 %. **C.** 75,9%. **D.** 76%.

**5**. Tỉ trọng dân số thành thị năm 2000 đạt

**A.** 25 %. **B.** 24,2 %. **C.** 24,1%. **D.** 24%.

**6**. Coi bán kính năm 2000 là 2 cm, bán kính năm 2015 là

**A.** 2,1 cm. **B.** 2,2 cm. **C.** 2,3 cm **D.** 2,4 cm.

**Câu 1.** Cho bảng số liệu: Dân số và sản lượng lúa của nước ta giai đoạn 1981 - 2015

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1981** | **1990** | **1996** | **1999** | **2004** | **2015** |
| Số dân (triệu người) | 54,9 | 66,2 | 75,4 | 76,3 | 82,0 | 91,7 |
| Sản lượng lúa (triệu tấn) | 12,4 | 19,2 | 26,4 | 31,4 | 35,8 | 45,2 |

**1.** Năm 2015, năng suất lúa của Việt Nam đạt

**A.** 13,6 tạ/ha. **B.** 136 tạ/ha.

**C.** 1360 tạ/ha. **D.** 1,36 tạ/ha.

**2.** Bình quân lương thực đầu người của nước ta năm 2015 đạt

**A.** 493 kg/người. **B.** 49,3 kg/người.

**C.** 43,9 kg/người. **D.** 349kg/người.

**3.** Tốc độ tăng trưởng sản lượng lúa năm 2004 của nước ta là

**A.** 288 %. **B.** 228,7 %. **C.** 288,7%. **D.** 289%.

**4.** Sản lượng lúa của nước ta năm 2015 gấp sản lượng lúa 1981

1. 4 lần. **B.** 3,7lần. **C.** 3,4 lần. **D.** 3,6 lần.

**5.** Sản lượng lúa của nước ta năm 2015 hơn sản lượng lúa 1981

1. 31,8 triệu tấn. **B.** 32,8 triệu tấn.

**C.** 33triệu tấn. **D.** 33,8 triệu tấn.

**2. Luyện tập**